**BẢN TIN TÀI CHÍNH & THUẾ**

**QUÝ 1 NĂM 2019**

Bản tin

Tài chính & thuế



# Kỳ 15/09/201

**Nội dung** **Trang**

# THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) 3-4

# THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) 5-6

# THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN) 7-8

# THUẾ XUẤT NHẬP KHẤU (XNK) 9

# THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB) 10

# HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ 11-12

# NỘI DUNG KHÁC 13-15

****

**THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)**

**- Công văn số 5415/TCT-CS ngày 28/12/2018 do Tổng cục Thuế ban hành về việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT**

Quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thì đối với bán hàng hóa thời điểm xác định thuế GTGT là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp Công ty mua, bán hàng theo hợp đồng mua bán, trong đó, bên bán xuất hàng theo phiếu xuất kho, bên mua nhận hàng và nhập kho, định kỳ hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu hàng hóa làm cơ sở bên bán xuất hóa đơn GTGT cho bên mua để bên mua kê khai thuế là không đúng theo quy định.



***-* Công văn số 2978/CT\_TTHT ngày 18/01/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về việc cấp hóa đơn đối với trường hợp Văn phòng đại diện bán thanh lý tài sản**

Quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Khoản 1 Điều 2 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 do Bộ Tài chính ban hành thì tổ chức kinh doanh được miễn khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN khi bán tài sản.

Trường hợp Văn phòng đại diện nước ngoài không tổ chức sản xuất, kinh doanh thì khi bán thanh lý tài sản phục vụ hoạt động của văn phòng được miễn kê khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN.

Theo Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 do Bộ Tài chính ban hành, Cơ quan thuế sẽ không cấp hóa đơn lẻ cho hoạt động bán tài sản thanh lý của Văn phòng đại diện.

***-* Công văn số 106/TCT-QLN ngày 09/01/2019 do Tổng cục Thuế ban hành về chính sách thuế GTGT đối với Khoản tiền hỗ trợ, khen thưởng đại lý**

Quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính, trường hợp Công ty ký hợp đồng với đại lý, trong đó quy định ngoài Khoản hoa hồng đại lý được hưởng theo quy định, Công ty sẽ chi trả cho đại lý Khoản chi hỗ trợ chi phí khai thác, khen thưởng đại lý dựa trên chỉ tiêu doanh thu cho việc phân phối sản phẩm thì Công ty phải lập hóa đơn GTGT, kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN đối với việc hỗ trợ chi phí khai thác, khen thưởng đại lý.

**- Công văn số 4837/TCT-CS ngày 04/12/2018 do Tổng cục Thuế ban hành về việc xuất hóa đơn đối với hoạt động chuyển nhượng dự án**

Quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC, hoạt động chuyển nhượng dự án đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, đáp ứng Điều kiện về dự án đầu tư theo quy định của Luật đầu tư bên nhận chuyển nhượng tiếp tục thực hiện và không thay đổi mục tiêu đầu tư của dự án thì hoạt động này thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Khi bên chuyển nhượng lập hóa đơn, trên hóa đơn chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ (theo hướng dẫn tại điểm 2.1 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số [39/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-39-2014-tt-btc-huong-dan-51-2010-nd-cp-04-2014-nd-cp-hoa-don-ban-hang-hoa-dich-vu-229190.aspx) ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính).

**- Công văn số 476/TCT-CS ngày 13/02/2019 do Tổng cục Thuế ban hành về chính sách thuế**

Quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, dự án đầu tư chỉ cần có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên sẽ được hoàn thuế, không phụ thuộc thời gian đầu tư trên hay dưới 1 năm.

Trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư có số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT (kể cả thời gian đầu tư chưa đến 1 năm).

**- Công văn số 7333/CT-TTHT ngày 28/01/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%**

Quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC, dịch vụ cho thuê kho bãi thuộc một trong các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX) không được hưởng thuế GTGT 0%.

Theo đó, trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thuê đất tại khu công nghiệp từ công ty khác là doanh nghiệp nội địa để làm bãi đỗ xe cho nhân viên thì không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Trường hợp doanh nghiệp nội địa cho DNCX thuê đất kèm cơ sở hạ tầng để thực hiện dự án sản xuất xuất khẩu, nếu đáp ứng Điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì được hưởng thuế GTGT 0%.

**- Công văn số 5432/TCT-CS ngày 28/12/2018 do Tổng cục Thuế ban hành về chính sách thuế GTGT**

Quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 146/2017/NĐ-CP quy định về hoàn thuế GTGT, trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018 thì thuộc đối tượng không được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ ngày 01/2/2018 sau đó xuất khẩu từ ngày 01/02/2018 mà hàng hóa xuất khẩu đó thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

# ****THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)****

# ****- Công văn số 532/TCT-CS ngày 19/02/2019 do Tổng cục thuế ban hành về chính sách thuế TNDN****

Chi phí phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động đáp ứng các Điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính; có đầy đủ chứng từ thanh toán theo đúng quy định; mức chi theo đúng quy chế, quy định của Công ty và tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế thì được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.

****

# ****- Công văn số 896/TCT-CS ngày 18/03/2019 do Tổng cục thuế ban hành về việc áp dụng ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:****

Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp không có quy định trường hợp chuyển tiếp ưu đãi đối với các dự án đã thực hiện trước 01/01/2015 thuộc lĩnh vực ưu đãi mới được bổ sung tại Luật số 71/2014/QH13 (miễn thuế đối với thu nhập từ chế biến nông sản tại địa bàn khuyến khích đầu tư; ưu đãi cho dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; dự án có quy mô đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng; ưu đãi cho thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến không thuộc địa bàn khuyến khich đầu tư). Do vậy, các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại khu công nghiệp trong giai đoạn 2009 - 2013 không thuộc đối tượng được chuyển tiếp hưởng ưu đãi theo diện Điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại.

# ****- Công văn số 1047/TCT-DNL ngày 27/03/2019 do Tổng cục thuế về chi phí thuế TNDN đối với Khoản chi hỗ trợ bán hàng:****

Doanh nghiệp thực hiện chi hỗ trợ, khuyến khích cho người lao động bao gồm người lao động là bán hàng chuyên trách và người lao động khác tham gia bán hàng để thúc đẩy hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Nếu Khoản chi này được ghi cụ thể Điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính; Quy chế thưởng quy định theo quy chế tài chính thì doanh nghiệp được tính Khoản chi phí này vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN và được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế TNCN đối với Khoản chi hỗ trợ, khuyến khích nêu trên theo quy định.

# - ****Công văn số 7724/CT-TTHT ngày 28/02/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về việc ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ****

Trường hợp Công ty thực hiện dự án đầu tư mở rộng để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, nếu đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư số [96/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-96-2015-tt-btc-huong-dan-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-nghi-dinh-12-2015-nd-cp-279331.aspx) thì dự án mở rộng này được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo một trong hai phương án:

Phương án 1: hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm thuế suất và thời gian miễn, giảm); hoặc

Phương án 2: Công ty được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty chọn hưởng ưu đãi theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng. Trường hợp Công ty không hạch toán riêng được phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của Công ty.

Trường hợp DAĐT mở rộng của Công ty được cấp giấy xác nhận là dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì thuộc diện được miễn thuế TNDN bốn năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín năm tiếp theo. Thời gian miễn, giảm thuế tính từ năm dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư phát sinh doanh thu.

# - Công văn số 474/TCT-HTQT ngày 13/02/2019 của Tổng cục Thuế về việc phân loại các Khoản phí trong hợp đồng vay

Phí thu xếp Khoản vay và phí tham gia cấu thành trong lãi suất do Công ty TNHH phát triển T.H.T trả cho các bên cho vay theo Hợp đồng vay hợp vốn nước ngoài và liên quan trực tiếp đến số tiền vay nên được coi là thu nhập từ lãi tiền vay theo quy định tại Hiệp định.

Phí đại lý trả cho ngân hàng đại lý bên thứ ba cho các công việc hành chính giấy tờ mà ngân hàng đại lý thực hiện theo hợp đồng vay nên Khoản phí này không liên quan trực tiếp đến số tiền vay và được coi là thu nhập từ kinh doanh.

**THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)**

# - Công văn số 01/HTVT-VP ngày 03/01/2019 của Hội Tư vấn Thuế Việt Nam về phí hội viên là Khoản được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Ngày 03/01/2019, Hội Tư vấn Thuế Việt Nam đã ban hành công văn số 01/HTVT-VP, hướng dẫn về Khoản phí hội viên tham gia Hội Tư vấn Thuế Việt Nam. Theo đó: Khoản phí hội viên mà doanh nghiệp đóng hàng năm theo mức quy định tại Điều lệ Hội Tư vấn thuế Việt Nam và có chứng từ do Hội Tư vấn thuế Việt Nam phát hành, là Khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

# - Công văn số 5300/TCT-DNNCN ngày 24/12/2018 của Tổng cục thuế ban hành về chính sách thuế TNCN đối với Khoản trợ cấp thôi việc

Quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC, Khoản trợ cấp thôi việc chỉ được miễn thuế TNCN phần chi trả đúng mức quy định của Bộ luật lao động (1/2 tháng lương mỗi năm, Điều 48).

Trường hợp chi trả cao hơn thì phần vượt hạn mức quy định phải chịu thuế TNCN.



- **Công văn số 5056/TCT-CS ngày 13/12/2018 của Tông cục Thuế ban hành về chi đồng phục cho người lao động bằng phiếu mua hàng**

Phiếu mua hàng (kể cả phiếu mua hàng trực tuyến) được coi là chứng từ có giá trị như tiền, được sử dụng như công cụ thanh toán, không phải là hàng hóa, vì vậy khi bán phiếu mua hàng không phải xuất hóa đơn.

Trường hợp Công ty mua phiếu mua hàng để cho, tặng,… người lao động thì cũng không phải lập hóa đơn. Công ty sử dụng chứng từ thu (do bên bán cấp) và các hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc cho, tặng phiếu mua hàng để hạch toán chi phí.

Người được tặng, cho phiếu mua hàng phải chịu thuế TNCN theo điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

**- Công văn số 3779/CT-TTHT ngày 23/01/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội về chính sách thuế TNCN đối với người nước ngoài**

Căn cứ công văn số 14/TCT-DNNCN ngày 03/01/2019 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNCN, căn cứ Tiết i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số [111/2013/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-111-2013-tt-btc-huong-dan-luat-thue-thu-nhap-ca-nhan-va-nghi-dinh-65-2013-nd-cp-205356.aspx) ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, trường hợp cá nhân có thu nhập từ nước ngoài từ tiền lương, tiền công do làm việc ban đêm, làm thêm giờ, phần thu nhập được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ là thu nhập được miễn thuế TNCN.

Cách xác định phần thu nhập được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ tương tự cách xác định đối với phần thu nhập được trả cao hơn do làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại Việt nam. Cá nhân nhận thu nhập có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan thuế các chứng từ liên quan đến việc xác định phần thu nhập được miễn thuế TNCN.

# - ****Công văn số 5152/CT-TTHT ngày 30/01/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về việc kê khai và nộp thuế TNCN****

Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 21 Thông tư [92/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-92-2015-tt-btc-huong-dan-thue-gia-tri-gia-tang-thue-thu-nhap-ca-nhan-282089.aspx) thì tổ chức chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khấu trừ, kê khai thuế, quyết toán thuế TNCN theo quy định. Người lao động nước ngoài là cá nhân cư trú theo luật thuế TNCN có thu nhập từ tiền lương, tiền công do Công ty chi trả không thuộc trường hợp khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

**- Công văn số 7337/CT-TTHT ngày 25/02/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về việc kê khai và nộp thuế TNCN**

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC, trường hợp Công ty chi trả tiền thuê nhà cho chuyên gia (tại Việt Nam hoặc nước ngoài) thì Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do Công ty trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại Công ty không phân biệt nơi trả thu nhập.

**- Công văn số 73/TCT-DNNCN ngày 05/01/2019 về việc quyết toán thuế TNCN cho người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp**

Công ty bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân bán hàng đa cấp thì không phải khai quyết toán thuế đối với nghĩa vụ này. Trường hợp Công ty đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và nộp ngân sách Nhà nước với mức thuế suất cao hơn so với quy định hiện hành thì Công ty sẽ được xử lý hoàn lại số thuế nộp thừa theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Tuy nhiên, do Công ty đã cấp chứng từ khấu trừ thuế cho các cá nhân và không thể thu hồi lại toàn bộ chứng từ khấu trừ nên việc xử lý hoàn nộp thừa sẽ được thực hiện đối với từng cá nhân khi cá nhân có yêu cầu hoàn nộp thừa theo quy định.

**THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU (XNK)**

- **Công văn số 530/TCHQ-TXNK ngày 23/01/2019 do Tổng cục Hải quan ban hành về thuế GTGT hàng hóa bị tịch thu**

Theo đó, trường hợp hàng hóa nhập khẩu của Công ty chưa được thông quan hoặc giải phóng hàng, vẫn trong khu vực giám sát của cơ quan hải quan, chưa nộp thuế, bị tịch thì quyền sở hữu của doanh nghiệp đối với hàng hóa đó đã chấm dứt (Công ty không còn là đơn vị nhập khẩu và kinh doanh tại Việt Nam đối với hàng hóa bị tịch thu này) nên không phải nộp thuế GTGT.

**- Công văn số 204/TCHQ-TXNK Ngày 08/01/2019 do Tổng cục Hải quan ban hành về việc kiểm tra phân loại hàng hóa**

Để đảm bảo quản lý chặt chẽ, tránh nguy cơ gian lận trong việc xuất khẩu nguyên liệu đồng, nhôm dưới hình thức là sản phẩm bằng các kim loại đó, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trong quá trình thông quan hàng hóa thực hiện đúng các quy định tại [Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ](https://luatvietnam.vn/thue/quyet-dinh-1921-qd-tchq-2018-quy-trinh-phan-loai-hang-hoa-ap-thue-voi-hang-xuat-nhap-khau-164842-d1.html#noidung) ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó lưu ý các nội dung sau:

1. Kiểm tra mô tả hàng hóa:

Khi làm thủ tục hải quan, công chức hải quan phải kiểm tra chi tiết tên hàng, mô tả hàng hóa phải rõ ràng, đầy đủ thành phần, hàm lượng, tính chất, cấu tạo, đặc điểm và công dụng. Trong đó lưu ý tên hàng phải đảm bảo đủ cơ sở để xác định mã số hàng hóa theo tiêu chí về tên gọi, mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu.

2. Kiểm tra mã số:

Khi kiểm tra chi tiết mã số hàng hóa, phải đối chiếu mô tả hàng hóa, mã số hàng hóa khai báo với mô tả hàng hóa, mã số tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu rủi ro về phân loại, áp dụng mức thuế, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

3. Kiểm tra mức thuế:

Công chức hải quan khi kiểm tra mức thuế phải đối chiếu mô tả hàng hóa, mã số, mức thuế khai báo với mô tả hàng hóa, mã số, mức thuế tại Biểu thuế xuất khẩu và các chính sách thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

**THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)**

**Ngày 01/02/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hưởng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt**

Một trong những sửa đổi đáng lưu ý của Nghị định này là miễn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với máy bay sử dụng cho các mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ (Khoản 1 Điều 1).

Thủ tục hoàn thuế TTĐB đối với hàng hóa TN-TX, nguyên liệu SXXK được thực hiện như thủ tục hoàn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 34, Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 1).

Số thuế tiêu thụ đặc biệt truy nộp theo quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan cũng được khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của sản phẩm bán ra, trừ trường hợp bị phạt về gian lận, trốn thuế (Khoản 3, Điều 1).

Hồ sơ khai thuế TTĐB áp dụng các biểu mẫu mới bao gồm: Tờ khai thuế theo Mẫu số 01/TTĐB và Bảng xác định thuế TTĐB được khấu trừ (nếu có) theo Mẫu số 01-1/TTĐB ban hành kèm Nghị định này.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/03/2019.

***-* Công văn số 7465/TCHQ-TXNK ngày 19/12/2018 do Tổng cục Hải quan ban hành về việc xử lý thuế TTĐB hàng tái nhập**

Trường hợp Công ty đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã xuất khẩu nhưng hàng hóa phải tái nhập trở lại Việt Nam do không phải là hàng hóa nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam thì doanh nghiệp không phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT khi tái nhập.

Đối với số tiền thuế TTĐB Công ty đã nộp khi nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, do sản phẩm đã xuất khẩu ra nước ngoài nhưng phải tái nhập trở lại Việt Nam nên không đủ cơ sở để hoàn lại số tiền thuế TTĐB. Sau khi tái nhập nếu Công ty tiếp tục xuất khẩu thì được hoàn lại số tiền thuế TTĐB đã nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp sau khi tái nhập Công ty bán hàng hóa vào thị trường nội địa thì phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định 59/2018/NNĐ-CP; kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu bán ra theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính (số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu lần đầu theo tờ khai nhập sản xuất xuất khẩu được khấu trừ ở khâu bán ra theo quy định tại Điều 2 Luật số 106/2016/QH13 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế); kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT- BTC.

|  |
| --- |
|  |

**HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ**

****

**- Công văn số 5305/TCT-DNL ngày 25/12/2018 do Tổng cục thuế ban hành về việc về việc triển khai thực hiện hóa đơn điện tử**

HĐĐT bản chất là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, số dòng có thể tăng lên tùy theo số lượng hàng hóa, sản phẩm có trên hóa đơn. Tuy nhiên, khi chuyển đổi HĐĐT ra hóa đơn giấy, HĐĐT có thể được in ra trên nhiều trang giấy. Do vậy, để phù hợp với đặc thù của hóa đơn điện tử trường hợp hóa đơn điện tử chuyển đổi ra giấy, nếu số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn thì Công ty thực hiện tương tự trường hợp sử dụng hóa đơn tự in mà việc lập và in hóa đơn thực hiện trực tiếp từ phần mềm và số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn, cụ thể:

Công ty được thể hiện hóa đơn nhiều hơn một trang nếu trên phần đầu trang sau của hóa đơn có hiển thị: cùng số hóa đơn như của trang đầu (do hệ thống máy tính cấp tự động); cùng tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, người bán như trang đầu; cùng mẫu và ký hiệu hóa đơn như trang đầu; kèm theo ghi chú bằng tiếng Việt không dấu tiếp theo trang trước – trang XJY” (trong đó X là số thứ tự trang và Y là tổng số trang của hóa đơn đó).

**- Công văn số 339/TCT-CS ngày 29/01/2019 và công văn số 939/TCT-DNL ngày 20/03/2019 về việc hướng dẫn thực hiện hóa đơn điện tử:**

*Về việc áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ:* Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngay 31/10/2020 (Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP còn hiệu lực thi hành), doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng và phát hành hóa đơn điện tử trước khi Nghị định số 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng. Doanh nghiệp có thể đồng thời tạo nhiều hình thức hóa đơn khác nhau (hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, hóa đơn điện tử) và phải thực hiện thông báo phát hành bằng hình thức hóa đơn theo quy định.

- *Về việc sử dụng bảng kê hoá đơn cho khách hàng lẻ:* Khi triển khai hóa đơn điện tử theo Nghị định số119/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp phải lập hoá đơn điện tử để giao cho người mua đối với tất cả các giao dịch bán hàng hoá, dịch vụ không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hoá, dịch vụ.

*- Về chữ ký số, chữ ký điện tử của người mua:* Nếu người mua không phải là đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu có các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa doanh nghiệp hoặc các đơn vị thành viên với người mua như: hợp đồng kinh tế phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên nhận thanh toán, phiếu thu,… thì doanh nghiệp hoặc các đơn vị thành viên lập hóa đơn điện tử cho người mua theo quy định, trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua.

**- Công văn số 6005/CT-TTHT ngày 01/02/2019 do Cục thuế TP. Hà Nội ban hành về quy định hóa đơn hàng bán trả, đổi lại, theo đó:**

Trường hợp Công ty áp dụng chính sách cho khách hàng đổi hàng mới chưa qua sử dụng (hàng còn nguyên tem mác) hoặc đổi hàng đã qua sử dụng (không còn nguyên nhãn mác) được xác định hàng lỗi do nhà sản xuất, Công ty đã lập hóa đơn và giao khách hàng thì:

Đối với khách hàng là đối tượng có hóa đơn, khi xuất hàng trả lại cho người bán, cơ sở phải lập hóa đơn, trên hóa đơn ghi rõ hàng hóa trả lại người bán do không đúng quy cách, chất lượng, tiền thuế GTGT. Đồng thời khi xuất hàng mới cho khách hàng, Công ty lập hóa đơn và kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với khách hàng thuộc đối tượng không có hóa đơn, khi trả lại hàng để đổi lại hàng mới, việc xử lý hóa đơn đã lập được thực hiện như sau:

Công ty và khách hàng lập biên bản ghi rõ loại hàng hóa, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hóa đơn bán hàng (số ký hiệu, ngày, tháng của hóa đơn), lý do trả. Công ty thu hồi hóa đơn đã lập theo quy định tại điểm 2.8 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số [39/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-39-2014-tt-btc-huong-dan-51-2010-nd-cp-04-2014-nd-cp-hoa-don-ban-hang-hoa-dich-vu-229190.aspx) của Bộ Tài chính. Đồng thời khi xuất hàng mới cho khách hàng, Công ty lập hóa đơn và kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

**CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ KHÁC**

**- Công văn số 903/TCT-CS ngày 18/03/2019 về chính sách thuế nhà thầu:**

Theo hợp đồng giao gia công, các doanh nghiệp giao gia công chuyển tiền phi bản quyền cho doanh nghiệp nhận gia công để trả hộ cho các doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoai và không nằm trong đơn giá gia công thì gấy chỉ là Khoản thu hộ, chi hộ của doanh nghiệp nhận gia công. Giữa các doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoài và doanh nghiệp nhận gia công không có bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến việc cung cấp bản quyền. Nếu Khoản thu nhập mà các doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoài nhận được là phát sinh tại nước ngoài thì các doanh nghiệp sở hữu bản quyền ở nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 103/2014/TT-BTC về thuế nhà thầu, còn trường hợp phát sinh tại Việt Nam thì thuộc đối tượng của Thông tư nêu trên.

**- Công văn số 803/TCT-CS ngày 13/03/2019 của Tổng cục thuế ban hành về chính sách thuế:**

*Về thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định*: Doanh nghiệp phải thực hiện thông báo phương pháp trích khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi thực hiện trích khấu hao. Việc xác định Khoản khấu hao TSCĐ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định về trích khấu hao TSCĐ và pháp luật thuế TNDN hiện hành.

*Về áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp*: Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể được lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính. Tại các thông tư không quy định thời hạn thông báo với cơ quan thuế, do đó trường hợp doanh nghiệp thông báo chậm hoặc chưa thông báo hoặc chưa thông báo với cơ quan thuế khi áp dụng chế độ kế toán theo TT200/2014/TT-BTC, cơ quan thuế chưa có cơ sở để không chấp nhận việc áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp. Nếu có căn cứ xác định doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, cơ quan thuế quản lý trực tiếp chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử phạt theo quy định.

**BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ (BHXH, BHYT)**



**- Ngày 07/03/2019 Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn số 679/BHXH-BT về việc hướng dẫn thu BHXH bắt buộc đối với lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

Hồ sơ, biểu mẫu; quy trình thu, quản lý sổ BHXH:

Hồ sơ, biểu mẫu quản lý thu BHXH thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số [595/QĐ-BHXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/quyet-dinh-595-qd-bhxh-quy-trinh-thu-bao-hiem-cap-so-bao-hiem-the-bao-hiem-2017-348047.aspx) ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam; Tờ khai tham gia, Điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS) thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số [888/QĐ-BHXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/quyet-dinh-888-qd-bhxh-2018-sua-doi-quy-trinh-thu-bao-hiem-theo-quyet-dinh-595-qd-bhxh-388683.aspx) ngày 16/7/2018 của BHXH Việt Nam; hồ sơ và các biểu mẫu bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh (kèm theo Công văn này).

- Khi kê khai mẫu TK1-TS cần lưu ý:

+ Đối với người lao động đăng ký tham gia BHXH bắt buộc lần đầu, chưa được cấp mã số BHXH thì kê khai các nội dung, thông tin tại các điểm: [01], [02], [03], [04], [07.1], [07.2], [07.3], [07.4], [0.8], [0.9], [13], mục I;

+ Đối với người lao động đã được cấp mã số BHXH: Kê khai các nội dung từ [01] đến [05], mục II;

+ Khi có thay đổi thông tin (về tên, họ, mã số BHXH, giới tính, quốc tịch,…): Kê khai các nội dung [01], [02], [03], [04] và [05] , mục II.

- Việc ghi họ, tên, giới tính, quốc tịch vào các mẫu biểu theo chữ viết phiên âm quốc tế. Trường hợp có hồ sơ kèm theo để thay đổi thông tin, mà hồ sơ do cơ quan nước ngoài cấp thì phải được dịch ra Tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Quy trình thu; cấp và quản lý sổ BHXH: Thực hiện như đối với đơn vị và người lao động Việt Nam cùng tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo hướng dẫn tại Quyết định số [595/QĐ-BHXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/quyet-dinh-595-qd-bhxh-quy-trinh-thu-bao-hiem-cap-so-bao-hiem-the-bao-hiem-2017-348047.aspx) ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam.

**CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHO DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ**

Ngày 28/12/2018, Bộ Tài chính đã ký ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC, hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ (DNSN). Theo đó:

– Đối tượng áp dụng Thông tư này là các DNSN, bao gồm các DNSN nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai thu nhập tính thuế và phương pháp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

Tiêu chí xác định DNSN thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

– Thông tư quy định phương pháp kế toán áp dụng cho 2 loại hình DNSN: doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo kê khai thu nhập, và doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo tỉ lệ % trên doanh thu. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán được hướng dẫn theo Thông tư này hoặc Chế độ kế toán DNNVV ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC năm 2016 phù hợp với đặc điểm hoạt động sx-kd và yêu cầu quản lý của mình.

– Thông tư quy định và hướng dẫn sử dụng 7 tài Khoản hạch toán và các biểu mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính dành cho DNSN.

Các tài Khoản kế toán gồm:

+ TK 111- Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

+ TK 131- Các Khoản nợ phải thu

+ TK 152- Hàng tồn kho

+ TK 211- Tài sản cố định

+ TK 331- Các Khoản nợ phải trả

+ TK 411- Vốn chủ sở hữu

+ TK 911- Xác định kết quả sx-kd.

– Đối với DNSN nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, nếu không có nhu cầu thì không bắt buộc phải mở các tài Khoản kế toán mà chỉ ghi đơn trên sổ kế toán; không bắt buộc phải lập BCTC để nộp cho cơ quan thuế. Doanh nghiệp thực hiện các báo cáo theo quy định của pháp luật thuế. Thời gian lập và nộp báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

– Về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán: DNSN không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng. Các DNSN nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ có thể tự tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Chương III Thông tư này.

– DNSN được ký hợp đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng.

Thông tư này được ban hành khi Đề án Luật Quản lý thuế (sửa đổi, bổ sung) chưa được Quốc hội thông qua. Do đó, chưa có nội dung hướng dẫn các đại lý thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho các DNSN.

– Thông tư 132/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2019, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/4/2019.

|  |
| --- |
| **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG**  ACAMT CONSULTING AND AUDITING COMPANY LIMITED  P.801 - CT1A – P. Quang Trung - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An  Điện thoại: 02383 848 810 Fax: 02383 560 040  Web: kiemtoanmientrung.com  Email: [dungna.aca@gmail.com](mailto:dungna.aca@gmail.com) |

